

Số: /TTr-UBND

Quảng Bình, ngày tháng 4 năm 2024

TỜ TRÌNH

Đề nghị quy định tiêu chí thành lập Tổ bảo vệ an ninh, trật tự; chế độ chính sách và mức hỗ trợ thường xuyên cho lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Quảng Bình

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình.

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020; Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở được Quốc hội thông qua ngày 28/11/2023, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2024. Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo, trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định tiêu chí thành lập Tổ bảo vệ an ninh, trật tự; chế độ chính sách và mức hỗ trợ thường xuyên cho lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Quảng Bình như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

1. Cơ sở pháp lý

1. Ngày 28/11/2023, Quốc hội đã thông qua Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2024. Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở được Quốc hội thông qua đã tạo cơ sở pháp lý quan trọng, vững chắc, toàn diện cho xây dựng, củng cố, duy trì lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở, kịp thời đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ bảo đảm an ninh, trật tự trong tình hình mới và góp phần kiện toàn, sắp xếp, bố trí lực lượng, tinh gọn đầu mối gắn với hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, mối quan hệ công tác của từng tổ chức cơ sở; bảo đảm thực hiện tốt hơn các quy định của Hiến pháp năm 2013 về quyền con người, quyền công dân.

2. Về nội dung Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở giao Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chi tiết, cụ thể như sau:

a) Khoản 3 Điều 14 về Bố trí lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở, quy định: *Căn cứ tình hình, yêu cầu bảo đảm an ninh, trật tự, điều kiện kinh tế - xã hội, quy mô dân số, diện tích tự nhiên của địa phương, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định tiêu chí thành lập Tổ bảo vệ an ninh, trật tự và tiêu chí về số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự trên địa bàn quản lý.*

b) Khoản 1 Điều 23 về Hỗ trợ, bồi dưỡng đối với người tham gia lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở, quy định: *Người tham gia lực*

lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở được hưởng tiền hỗ trợ thường xuyên hằng tháng, được hỗ trợ đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện, bảo hiểm y tế theo mức do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định.

c) Điểm b Khoản 2 Điều 23 về Hỗ trợ, bồi dưỡng đối với người tham gia lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở, quy định: *Khi làm nhiệm vụ từ 22 giờ ngày hôm trước đến 06 giờ sáng ngày hôm sau, ngày nghỉ, ngày lễ, khi thực hiện công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm theo quy định của pháp luật về lao động được hưởng mức tiền bồi dưỡng do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định.*

d) Điểm c Khoản 2 Điều 23 về Hỗ trợ, bồi dưỡng đối với người tham gia lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở, quy định: *Khi làm nhiệm vụ tại những nơi thuộc khu vực biên giới, hải đảo, miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số hoặc tại đơn vị hành chính cấp xã trọng điểm về quốc phòng được hưởng mức tiền bồi dưỡng ngày công lao động tăng thêm do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định.*

đ. Khoản 2, Điều 26 giao Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định nhiệm vụ chi của địa phương do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình; cụ thể: *Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định mức chi cho lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở quy định tại Khoản 1 điều này phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương (Khoản 1, Điều 26, quy định về các nhiệm vụ chi của địa phương do ngân sách địa phương bảo đảm, bao gồm: (1) Hỗ trợ mua sắm, sửa chữa phương tiện, thiết bị; công tác tập huấn, diễn tập, hội thi do địa phương tổ chức; bảo đảm điều kiện hoạt động đối với lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở; (2) Trang bị trang phục, huy hiệu, phù hiệu, biển hiệu, giấy chứng nhận của lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở; (3) Thực hiện chi các nội dung quy định tại Điều 23 và Điều 24 của Luật này; (4) Sơ kết, tổng kết, tổ chức phong trào thi đua, khen thưởng đối với lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở do địa phương tổ chức; (5) Các khoản chi khác cho lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở theo quy định của pháp luật)*

2. Cơ sở thực tiễn

Khoản 1, Điều 14 Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở quy định “1. Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở được kiện toàn từ lực lượng bảo vệ dân phố, Công an xã bán chuyên trách đang được tiếp tục sử dụng và Đội trưởng, Đội phó đội dân phòng hoặc được tuyển chọn theo quy định của Luật này”. Theo đó, thực hiện quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật của Nhà nước, của tỉnh, hiện nay trên địa bàn tỉnh cả 03 lực lượng (bảo vệ dân phố, Công an xã bán chuyên trách và Dân phòng) đã được thành lập và quy định cụ thể về tổ chức, hoạt động, chế độ chính sách, cụ thể:

1.1. Lực lượng Bảo vệ dân phố

Thực hiện Nghị định số 38/2006/NĐ-CP ngày 17/4/2006 của Chính phủ quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, nguyên tắc tổ chức, hoạt động và

chế độ, chính sách đối với Bảo vệ dân phố. Hiện nay lực lượng Bảo vệ dân phố được bố trí tại 15 phường và 08 thị trấn với 718 thành viên được bố trí tại 23 Ban, 194 Tổ dân phố, cụ thể như sau:

- Giới tính: Nam 718 đồng chí. Nữ: 0 đồng chí.

- Trình độ: Từ Đại học trở lên: 33 đồng chí; Cao đẳng, trung cấp 75 đồng chí; dưới trung cấp 610 đồng chí; đã được tập huấn nghiệp vụ 417 đồng chí.

- Độ tuổi: Dưới 30 tuổi 13 đồng chí; từ 30 đến 50 tuổi 223 đồng chí; trên 50 tuổi 482 đồng chí.

- Chế độ hỗ trợ: Căn cứ Nghị quyết số 74/2007/NQ-HĐND ngày 07/12/2007 của Hội đồng nhân dân tỉnh về thông qua mức phụ cấp cho cán bộ thú y, cán bộ khuyến nông, cán bộ bảo vệ dân phố và điều chỉnh mức phụ cấp của cán bộ không chuyên trách, giáo viên mầm non ngoài biên chế ở các xã, phường, thị trấn; theo đó quy định mức chi trả phụ cấp cho lực lượng bảo vệ dân phố (**hệ số phụ cấp so với mức lương tối thiểu**) cụ thể như sau:

+ Trưởng ban = 0,72/người/tháng;

+ Phó trưởng ban = 0,60/người/tháng;

+ Ủy viên kiêm Tổ trưởng = 0,48 người/tháng;

+ Tổ trưởng = 0,40 người/tháng;

+ Tổ viên = 0,30 người/tháng.

- Kinh phí hiện đang chi trả: 5.448.816.000 đồng/năm.

1.2. Lực lượng Công an xã bán chuyên trách

Thực hiện Nghị quyết số 11/2021/NQ-HĐND ngày 29/10/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định số lượng, mức hỗ trợ kinh phí đối với Công an xã bán chuyên trách tiếp tục được sử dụng tham gia bảo đảm ANTT ở thôn, bản trên địa bàn tỉnh Quảng Bình. Tính đến nay trên địa bàn toàn tỉnh đã bố trí 926 đồng chí/929 thôn, bản (có 03 thôn Công an viên đã nghỉ việc), cụ thể như sau:

- Giới tính: Nam 926 đồng chí. Nữ: 0 đồng chí.

- Trình độ: Từ Đại học trở lên: 33 đồng chí; Cao đẳng, Trung cấp 95 đồng chí; dưới Trung cấp 798 đồng chí.

- Độ tuổi: dưới 30 tuổi 36 đồng chí; từ 30 đến 50 tuổi 484 đồng chí, trên 50 tuổi 406 đồng chí.

- Chế độ hỗ trợ, bồi dưỡng: Thực hiện theo Nghị quyết số 11/2021/NQ-HĐND ngày 29/10/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định số lượng, mức hỗ trợ kinh phí đối với Công an xã bán chuyên trách tiếp tục được sử dụng tham gia bảo đảm ANTT ở thôn, bản trên địa bàn tỉnh Quảng Bình. Trong đó quy định mức hỗ trợ kinh phí tính theo hệ số mức lương cơ sở hiện hành: Đối với thôn, bản có trên 350 hộ gia đình, mức phụ cấp hàng tháng = 0,8/người/tháng; thôn, bản có từ 150 hộ gia đình đến 350 hộ gia đình, mức phụ cấp hàng tháng =

0,7/người/tháng; thôn, bản dưới 150 hộ gia đình, mức phụ cấp hàng tháng bằng 0,6/người/tháng.

- Kinh phí hiện đang chi trả: **13.728.960.000** đồng/năm.

1.3. Lực lượng dân phòng (Đội trưởng, Đội phó)

Theo quy định của Luật Phòng cháy, chữa cháy năm 2001 (*sửa đổi, bổ sung năm 2013*); Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 29/10/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức hỗ trợ thường xuyên hằng tháng cho các chức danh Đội trưởng, Đội phó đội dân phòng trên địa bàn tỉnh Quảng Bình; hiện nay lực lượng Dân phòng trên địa bàn tỉnh được bố trí tại 1.124 thôn, bản, tổ dân phố với 2.250 đồng chí Đội trưởng, Đội phó đội dân phòng (*1.124 Đội trưởng, 1.126 Đội phó*), trong đó:

- Giới tính: Nam 2179 đồng chí. Nữ 71 đồng chí.

- Trình độ: Từ Đại học trở lên 103 đồng chí; Cao đẳng, Trung cấp 209 đồng chí; dưới Trung cấp 1.862 đồng chí; đã được tập huấn nghiệp vụ 1.495 đồng chí;

- Độ tuổi: dưới 30 tuổi 75 đồng chí; từ 30 đến 50 tuổi 944 đồng chí; trên 50 tuổi 1.131 đồng chí;

- Chế độ hỗ trợ: Thực hiện theo Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 29/10/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức hỗ trợ/lương tối thiểu vùng/tháng:

+ Đội trưởng đội Dân phòng = 20% lương tối thiểu vùng/tháng;

+ Đội phó đội Dân phòng = 15% lương tối thiểu vùng/tháng.

- Kinh phí hiện đang chi trả: **17.096.586.000** đồng/năm.

*** Tổng số thành viên của 03 lực lượng: 3.894 thành viên. Tổng kinh phí chi cho 03 lực lượng 01 năm: 36.274.362.000 đồng.**

Luật lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở được Quốc hội thông qua đã tạo cơ sở pháp lý để sắp xếp, kiện toàn 03 lực lượng sẵn có (*Bảo vệ dân phố, Công an xã bán chuyên trách và Dân phòng*) thành 01 tổ chức với chức năng, nhiệm vụ chung, nòng cốt hỗ trợ Công an chính quy bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở, là cơ sở quan trọng, vững chắc, toàn diện cho xây dựng, củng cố, duy trì lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự, kịp thời đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ đảm bảo an ninh, trật tự trong tình hình mới và góp phần kiện toàn, sắp xếp, bố trí lực lượng tinh gọn đầu mối, hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, mối quan hệ công tác của từng tổ chức cơ sở; bảo đảm thực hiện tốt hơn các quy định của Hiến pháp năm 2013 về quyền con người, quyền công dân.

Căn cứ cơ sở pháp lý và tình hình thực tế địa bàn; để tạo cơ sở pháp lý thống nhất tổ chức thi hành Luật lực lượng đảm bảo an ninh trật tự ở cơ sở phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh trên địa bàn tỉnh Quảng Bình thì việc xây dựng và ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về tiêu

chỉ thành lập Tổ bảo vệ an ninh trật tự; tiêu chí về số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự; mức chi và hỗ trợ, bồi dưỡng, mua sắm, sửa chữa phương tiện, thiết bị, trang bị trang phục, huy hiệu, phù hiệu, biển hiệu, giấy chứng nhận và các khoản chi khác bảo đảm điều kiện hoạt động đối với Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự trên địa bàn tỉnh Quảng Bình, là cần thiết.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích xây dựng Nghị quyết

- Kiện toàn cơ cấu tổ chức, chức năng nhiệm vụ của 03 lực lượng *Công an xã bán chuyên trách; Bảo vệ dân phố và Đội trưởng, Đội phó đội dân phòng* đang hoạt động hiện nay thành một lực lượng chung với tên gọi là lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở.

- Cụ thể hóa quy định của Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở quy định tiêu chí thành lập Tổ bảo vệ an ninh, trật tự; tiêu chí về số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự; chế độ chính sách và mức hỗ trợ, thường xuyên cho lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

- Tạo cơ sở pháp lý đầy đủ, tương xứng hơn trong xây dựng, hoạt động, quản lý, sử dụng các lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở, đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước về an ninh, trật tự nhằm phòng, chống tội phạm và các vi phạm pháp luật khác về an ninh, trật tự tại địa bàn cơ sở góp phần xây dựng cuộc sống bình yên và hạnh phúc cho Nhân dân.

2. Quan điểm xây dựng Nghị quyết

- Tuân thủ Hiến pháp, bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ, phù hợp với Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan; bảo đảm các quy định của Nghị quyết được cụ thể và có tính khả thi.

- Kế thừa các quy định pháp luật còn phù hợp, khắc phục những hạn chế, bất cập để xây dựng, kiện toàn lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở ngày càng chất lượng, vững mạnh, chính quy, tinh nhuệ, đáp ứng yêu cầu bảo đảm an ninh, trật tự trong giai đoạn hiện nay và những năm tiếp theo.

- Bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất, không chồng chéo, không mâu thuẫn và tăng cường công tác bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội ở địa bàn cơ sở.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO

Dự thảo Nghị quyết đã được xây dựng trên cơ sở bám sát nội dung Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở và theo đúng trình tự, thủ tục quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020), như sau:

1. Ngày 06/02/2024, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 304/QĐ-UBND về việc ban hành danh mục văn bản quy định chi tiết thi hành các Luật được Quốc hội khóa XVI thông qua tại kỳ họp thứ VI, giao Công an

tỉnh chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan để tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện các nội dung liên quan của Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở theo đúng quy định.

2. Ngày 09/4/2024, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch số 603/KH-UBND về việc triển khai thi hành Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

3. Công an tỉnh đã khẩn trương xây dựng dự thảo Tờ trình, Nghị quyết, phương án kiện toàn lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở; tổ chức quán triệt các nội dung, điều kiện cần thiết để triển khai thi hành Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở, đồng thời lấy ý kiến góp ý của Công an các đơn vị, địa phương.

4. Ngày 02/4/2024, Công an tỉnh đã mời lãnh đạo UBND tỉnh, Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tư pháp, Sở Nội vụ, Sở Tài chính, Bảo hiểm xã hội tỉnh và Công an các đơn vị, địa phương tham dự Hội nghị quán triệt Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở.

5. Ngày 27/02/2024 Công an tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 1637/KH-CAT-PV01-Đ6 để triển khai thi hành Luật lực lượng tham gia bảo vệ ANTT ở cơ sở trong Công an tỉnh Quảng Bình; Công văn số 1738/CAT-PV01-Đ6 ngày 01/3/2024 để tổ chức triển khai có hiệu quả, đảm bảo tiến độ đề ra.

6. Công an tỉnh đã tiến hành khảo sát và lấy ý kiến đánh giá tác động đối với 03 lực lượng *Công an xã bán chuyên trách; Bảo vệ dân phố và Đội trưởng, Đội phó đội dân phòng* đang hoạt động hiện nay. Theo đó, số có nguyện vọng tiếp tục tham gia lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở 3.820/3.894 chiếm trên 98%.

7. Ngày 15/4/2024, dự thảo Tờ trình, Nghị quyết đăng tải trên cổng thông tin điện tử Công an tỉnh để lấy ý kiến góp ý.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Bố cục

Nghị quyết gồm 05 Điều:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Điều 2. Tiêu chí thành lập Tổ bảo vệ an ninh, trật tự; tiêu chí số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh trật tự

Điều 3. Chế độ hỗ trợ, nguồn kinh phí thực hiện, thời điểm hưởng

Điều 4. Tổ chức thực hiện

Điều 5. Hiệu lực thi hành

2. Nội dung cơ bản của dự thảo Nghị quyết

2.1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết Quy định tiêu chí thành lập Tổ bảo vệ an ninh, trật tự, số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự; chế độ chính sách và mức hỗ trợ thường xuyên cho lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

2.2. Tiêu chí thành lập Tổ bảo vệ an ninh, trật tự; tiêu chí số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự

(1) Tiêu chí thành lập Tổ bảo vệ an ninh, trật tự. Mỗi thôn, bản, tổ dân phố thuộc xã, phường, thị trấn thành lập 01 Tổ bảo vệ an ninh, trật tự.

Cơ sở đề xuất: Hiện nay, trên địa bàn tỉnh Quảng Bình có 151 xã, phường, thị trấn với 1.124 thôn, bản, tổ dân phố. Theo đó, toàn tỉnh sẽ bố trí tương ứng **1.124** Tổ bảo vệ an ninh, trật tự đảm bảo phù hợp, đồng bộ, thống nhất trong công tác quản lý Nhà nước tại cơ sở.

(2) Tiêu chí số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự

a) Đối với thôn, bản, tổ dân phố có quy mô dân số dưới 500 hộ gia đình: Tổ bảo vệ an ninh, trật tự bố trí **03** thành viên gồm có Tổ trưởng, Tổ phó và Tổ viên.

b) Đối với thôn, bản, tổ dân phố có quy mô dân số từ 500 hộ gia đình đến 700 hộ gia đình: Tổ bảo vệ an ninh, trật tự bố trí **04** thành viên gồm có Tổ trưởng, Tổ phó và 02 Tổ viên.

c) Đối với thôn, bản, tổ dân phố có quy mô dân số trên 700 hộ gia đình: Tổ bảo vệ an ninh, trật tự bố trí **05** thành viên gồm có Tổ trưởng, Tổ phó và 03 Tổ viên.

*** Cơ sở đề xuất:**

- Căn cứ Khoản 3 Điều 14 về Bố trí lực lượng lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở, quy định: *Căn cứ tình hình, yêu cầu bảo đảm an ninh, trật tự, điều kiện kinh tế - xã hội, quy mô dân số, diện tích tự nhiên của địa phương, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định tiêu chí thành lập Tổ bảo vệ an ninh, trật tự và tiêu chí về số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự trên địa bàn quản lý.*

- Vận dụng Thông tư 25/TT-BCA ngày 19/5/2022 của Bộ Công an quy định về Cảnh sát khu vực, quy định về bố trí lực lượng theo quy mô dân số (số hộ, nhân khẩu).

- Căn cứ theo số liệu thực tế thống kê, hiện nay trên địa bàn tỉnh, 03 lực lượng là bảo vệ dân phố, Công an xã bán chuyên trách đang tiếp tục sử dụng và Đội trưởng, Đội phó đội dân phòng được bố trí tại thôn, bản, tổ dân với số lượng thành viên từ 03 đến 07 thành viên.

Theo đó, Ủy ban nhân dân tỉnh đề xuất tiêu chí số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự theo quy mô dân số là phù hợp với lý do sau: (1) Đảm bảo giữ ổn định các lực lượng bảo vệ dân phố, Công an xã bán chuyên trách và Đội

trưởng, Đội phó đội dân phòng hiện có; (2) đảm bảo yêu cầu thực hiện nhiệm vụ của Tổ bảo vệ an ninh trật tự theo quy mô dân số của từng thôn, bản, tổ dân phố.

Dự kiến số lượng Tổ và bố trí thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự:

Loại thôn, bản, tổ dân phố	Số Tổ bảo vệ ANTT	Tổng số thành viên	Số Tổ trưởng	Số Tổ phó	Số Tổ viên
Thôn, bản, tổ dân phố có trên 700 hộ gia đình	34	170	34	34	102
Thôn, bản, tổ dân phố có từ 500 đến 700 hộ gia đình	58	232	58	58	116
Thôn, bản, tổ dân phố có dưới 500 hộ gia đình	1.032	3.096	1.032	1.032	1.032
Tổng	1.124 Tổ	3.498	1.124	1.124	1.250

Tổng: 1.124 Tổ với 3.498 đồng chí, giảm **396** đồng chí so với tổng số **3.894** đồng chí của 03 lực lượng trước khi kiện toàn (*tính đến 30/3/2024 lực lượng Bảo vệ dân phố có 718 đồng chí; Công an xã bán chuyên trách có 926 đồng chí; Đội trưởng, Đội phó đội dân phòng 2.250 đồng chí*). Bảo đảm quy định của Luật không làm phát sinh tăng thêm số người tham gia Tổ bảo vệ an ninh trật tự sau khi kiện toàn 03 lực lượng.

3. Chế độ hỗ trợ đối với lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở

3.1. Mức hỗ trợ hằng tháng theo mức lương tối thiểu vùng

Đề nghị các mức đối với thành viên Tổ bảo vệ an ninh trật tự như sau:

Mức 1: Tổ bảo vệ an ninh trật tự ở vùng II thuộc thành phố Đồng Hới

TT	Chức danh	Số lượng	Định mức hỗ trợ	Mức bồi dưỡng/tháng	Số tháng	Tổng kinh phí hỗ trợ/năm
1	Tổ trưởng	137	40%	1.664.000đ	12	2.735.616.000đ
2	Tổ phó	137	37%	1.539.200đ	12	2.530.444.800đ
3	Tổ viên	141	35%	1.456.000đ	12	2.463.552.000đ
4	Tổng cộng: 7.729.612.800đ (bằng chữ: Bảy tỷ bảy trăm hai mươi chín triệu sáu trăm mười hai nghìn tám trăm nghìn đồng).					

Mức 2: Tổ bảo vệ an ninh trật tự ở vùng III thuộc Thị xã Ba Đồn, huyện Lệ Thủy, huyện Quảng Ninh, huyện Bố Trạch, huyện Quảng Trạch

TT	Chức danh	Số lượng	Định mức hỗ trợ	Mức bồi dưỡng/tháng	Số tháng	Tổng kinh phí hỗ trợ/năm
1	Tổ trưởng	745	40%	1.456.000đ	12	13.016.640.000đ
2	Tổ phó	745	37%	1.346.800đ	12	12.040.392.000đ
3	Tổ viên	860	35%	1.274.000đ	12	13.147.680.000đ
4	Tổng cộng 38.204.712.000đ (bằng chữ: Ba mươi tám tỷ hai trăm linh bốn triệu bảy trăm mười hai nghìn đồng).					

Mức 3: Tổ bảo vệ an ninh trật tự ở vùng IV thuộc Huyện Tuyên Hóa, huyện Minh Hóa

TT	Chức danh	Số lượng	Định mức hỗ trợ	Mức bồi dưỡng/tháng	Số tháng	Tổng kinh phí hỗ trợ/năm
1	Tổ trưởng	242	40%	1.300.000đ	12	3.775.200.000
2	Tổ phó	242	37%	1.202.500đ	12	3.492.060.000
3	Tổ viên	249	35%	1.137.000đ	12	3.397.356.000
4	Tổng cộng 10.664.616.000đ (bằng chữ: Mười tỷ sáu trăm sáu mươi bốn triệu sáu trăm mười sáu nghìn đồng).					

Tổng kinh phí cho 03 chức danh: 56.598.940.800đ. Tăng 20.324.578.800đ đồng so với mức chi hiện hành 36.274.362.000 đồng.

* Cơ sở đề xuất

Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở được bố trí ở thôn, bản, tổ dân phố thực hiện nhiệm vụ ở cơ sở có nhiều nét tương đồng với lực lượng không chuyên trách tại thôn, bản, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh, thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ Công an cấp xã giúp UBND cùng cấp thực hiện các nhiệm vụ bảo vệ an ninh, trật tự và xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc với tính chất đặc thù, khối lượng công việc lớn, nguy hiểm, áp lực, tiềm ẩn nhiều rủi ro về sức khỏe, tính mạng. Ủy ban nhân dân tỉnh đề xuất mức hỗ trợ trên dựa theo Nghị quyết số 11/2021/NQ-HĐND ngày 29/10/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định số lượng, mức hỗ trợ kinh phí đối với Công an xã bán chuyên trách tiếp tục được sử dụng tham gia bảo đảm an ninh, trật tự ở thôn, bản trên địa bàn tỉnh Quảng Bình; Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 29/10/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức hỗ trợ thường xuyên hằng tháng cho các chức danh Đội trưởng, Đội phó đội dân phòng trên địa bàn tỉnh Quảng Bình và theo khuyến nghị của Bộ Công an tại Công văn số 1182/BCA-V05 ngày 04/4/2024 “Tối thiểu không dưới 01 triệu đồng/người/tháng”, đảm bảo phù hợp và không cao hơn so với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, bản, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh.

Đối với những nơi thuộc khu vực biên giới, vùng đồng bào dân tộc thiểu số hoặc tại đơn vị hành chính cấp xã trọng điểm về quốc phòng, Ủy ban nhân dân tỉnh xét thấy các vùng này so với vùng khác trên địa bàn tỉnh tương đồng nhau, không có sự chênh lệch nhiều về điều kiện kinh tế, xã hội, văn hoá, giáo dục và thu nhập của người dân. Mức hỗ trợ tại những nơi thuộc khu vực biên giới, vùng đồng bào dân tộc thiểu số hoặc tại đơn vị hành chính cấp xã trọng điểm về quốc phòng nên được quan tâm thực hiện tại các vùng miền núi Tây Bắc, Tây Nguyên, Tây Nam Bộ sẽ phù hợp hơn. Do đó, đề nghị không quy định nội dung này vào Nghị quyết.

3.2. Chế độ hỗ trợ tiền đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện, bảo hiểm y tế

Thành viên tham gia Tổ bảo vệ an ninh trật tự ở cơ sở được hỗ trợ 22% bảo hiểm xã hội tự nguyện, 4,5% bảo hiểm y tế theo quy định (Căn cứ: Điều 87 Luật Bảo hiểm xã hội 2014 quy định chi tiết mức đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện cho người lao động như sau: Người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện, hằng tháng đóng bằng 22% mức thu nhập tháng mà người tham gia tự lựa chọn để đóng vào

quỹ hưu trí và tử tuất, nhưng không thấp hơn mức chuẩn hộ nghèo của khu vực nông thôn và không cao hơn 20 lần mức lương cơ sở); Khoản 1 Điều 7 Nghị định số 146/2018/NĐ-CP ngày 17/10/2018 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm y tế). Trừ những người đang được hưởng chế độ bảo hiểm y tế theo quy định với mức đóng theo quy định hiện hành.

Chi phí tạm tính theo vùng và từng chức danh:

Tổ bảo vệ ANTT ở thôn vùng II thuộc tỉnh Quảng Bình (thành phố Đồng Hới)

Mức bồi dưỡng/người					Thành tiền
Chức danh	Số lượng	Mức bồi dưỡng/tháng	Mức hỗ trợ	Số tháng	
Tổ trưởng	137	1.664.000đ	26.5%	12	724.938.240đ
Tổ phó	137	1.539.200đ	26.5%	12	670.480.740đ
Tổ viên	141	1.456.000đ	26.5%	12	634.320.960đ
Tổng cộng: 2.029.739.940đ (bằng chữ: Hai tỷ không trăm hai mươi chín triệu bảy trăm ba mươi chín nghìn chín trăm bốn mươi đồng).					

Tổ bảo vệ ANTT ở thôn vùng III thuộc tỉnh Quảng Bình (thị xã Ba Đồn, huyện Lệ Thủy, huyện Quảng Ninh, huyện Bố Trạch, huyện Quảng Trạch)

Mức bồi dưỡng/người					Thành tiền
Chức danh	Số lượng	Mức bồi dưỡng/tháng	Mức hỗ trợ	Số tháng	
Tổ trưởng	745	1.456.000đ	26.5%	12	3.449.409.600đ
Tổ phó	745	1.346.800đ	26.5%	12	3.190.703.880đ
Tổ viên	860	1.274.000đ	26.5%	12	3.484.135.200đ
Tổng cộng: 10.124.248.680đ (bằng chữ: Mười tỷ một trăm hai mươi bốn triệu hai trăm bốn mươi tám nghìn sáu trăm tám mươi đồng).					

Tổ bảo vệ ANTT ở thôn vùng IV thuộc tỉnh Quảng Bình (huyện Tuyên Hóa, huyện Minh Hóa)

Mức bồi dưỡng/người					Thành tiền
Chức danh	Số lượng	Mức bồi dưỡng/tháng	Mức hỗ trợ	Số tháng	
Tổ trưởng	242	1.300.000đ	26.5%	12	1.000.428.000đ
Tổ phó	242	1.202.500đ	26.5%	12	925.395.900đ
Tổ viên	249	1.137.000đ	26.5%	12	900.299.340đ
Tổng cộng: 2.826.123.240đ (bằng chữ: Hai tỷ tám trăm hai mươi sáu triệu một trăm hai mươi ba nghìn hai trăm bốn mươi đồng).					

Tổng kinh phí hỗ trợ cho 03 chức danh: 14.980.111.860đ (Mười bốn tỷ chín trăm tám mươi triệu một trăm mười một nghìn đồng).

- *Lý do lựa chọn:* Đảm bảo chế độ, chính sách, an sinh xã hội cho thành viên Tổ bảo vệ an ninh trật tự khi tham gia công tác đảm bảo an ninh trật tự ở cơ sở và thực hiện chế độ bảo hiểm quy định của Luật Bảo hiểm xã hội đối với người lao động cũng như khuyến khích thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự nhiệt tình bám trụ, giữ gìn an ninh trật tự tại địa bàn. Hiện nay, tỉnh Quảng Bình đang thực hiện hỗ trợ bảo hiểm bảo hiểm y tế theo mức 4,5% đối với lực lượng Công an bán chuyên trách, Dân phòng ở các xã biên giới, xã nghèo, xã hưởng chính sách 135,... là 1.321.920.000đ

3.3. Mức tiền bồi dưỡng lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở khi làm việc từ 22 giờ ngày hôm trước đến 06 giờ sáng ngày hôm sau

Khi có quyết định triệu tập của Chủ tịch UBND cấp xã để thực hiện nhiệm vụ bảo đảm an ninh trật tự hoặc tuần tra ban đêm theo kế hoạch của cấp có thẩm quyền phê duyệt từ 22 giờ đêm hôm trước đến 6 giờ sáng hôm sau thì được hỗ trợ 100.000 đồng/người/ca; nhưng không quá 10 ca/tháng.

* **Cơ sở đề xuất:** Vận dụng điểm đ, khoản 3, Điều 4 Thông tư 01/TT-BTC ngày 02/01/2018 quy định việc quản lý và sử dụng kinh phí bảo đảm trật tự an toàn giao thông. Ủy ban nhân dân tỉnh đề xuất mức hỗ trợ 100.000 đồng/người/ca.

3.4. Mức tiền bồi dưỡng lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở khi làm việc ngày nghỉ, ngày lễ, khi thực hiện công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc đặc biệt nặng nhọc, nguy hiểm theo quy định của pháp luật về lao động

Khi thực hiện nhiệm vụ trong các ngày nghỉ, ngày lễ, tết (không được bố trí nghỉ bù) hoặc thực hiện các công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm theo quy định của pháp luật về lao động được hưởng 200% x (mức hỗ trợ hàng tháng/30 ngày).

* **Cơ sở đề xuất:** Vận dụng điểm b, khoản 1, điều 98 Bộ Luật lao động quy định tiền lương làm thêm giờ, làm việc vào ban đêm. Ủy ban nhân dân tỉnh đề xuất mức hỗ trợ nêu trên.

3.5. Hỗ trợ thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh đối với người tham gia lực lượng bảo vệ an ninh trật tự ở cơ sở chưa tham gia bảo hiểm y tế bị ốm đau, tai nạn, chết, bị thương khi thực hiện nhiệm vụ (khoản 2 Điều 24 của Luật).

Hỗ trợ thanh toán 70% chi phí khám bệnh, chữa bệnh đối với người tham gia lực lượng bảo vệ an ninh trật tự ở cơ sở chưa tham gia bảo hiểm y tế bị ốm đau, tai nạn, chết, bị thương khi thực hiện nhiệm vụ.

* **Cơ sở đề xuất:** Vận dụng điều 22 của Luật Bảo hiểm y tế. Ủy ban nhân dân tỉnh đề xuất mức hỗ trợ thanh toán 70% chi phí khám, chữa bệnh đối với người tham gia lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở chưa tham gia bảo hiểm y tế bị ốm đau, tai nạn, chết, bị thương khi thực hiện nhiệm vụ là phù hợp với quy định Luật Bảo hiểm y tế.

3.6. Trợ cấp đối với người tham gia lực lượng bảo vệ an ninh trật tự ở cơ sở chưa tham gia bảo hiểm xã hội mà bị tai nạn khi thực hiện nhiệm vụ

làm suy giảm khả năng lao động theo kết luận của Hội đồng giám định y khoa (khoản 3 Điều 24 của Luật).

a) Người tham gia lực lượng bảo vệ an ninh trật tự ở cơ sở chưa tham gia bảo hiểm xã hội mà bị tai nạn khi thực hiện nhiệm vụ làm suy giảm khả năng lao động từ 5% đến 30% thì được hưởng trợ cấp một lần. Mức trợ cấp được quy định như sau: suy giảm 5% khả năng lao động thì được hưởng 9.000.000 đồng và sau đó cứ suy giảm thêm 1% thì được hưởng 900.000 đồng.

b) Người tham gia lực lượng bảo vệ an ninh trật tự ở cơ sở chưa tham gia bảo hiểm xã hội mà bị tai nạn khi thực hiện nhiệm vụ làm suy giảm khả năng lao động trên 31% thì được hưởng trợ cấp hằng tháng. Mức trợ cấp hằng tháng được quy định như sau: suy giảm 31% khả năng lao động thì được hưởng bằng 540.000 đồng, sau đó cứ suy giảm thêm 1% thì được hưởng thêm 36.000 đồng.

*** Căn cứ đề xuất:** Vận dụng Điều 46, Điều 47 của Luật Bảo hiểm xã hội, quy định:

“...Suy giảm 5% khả năng lao động thì được hưởng 05 lần mức lương cơ sở, sau đó cứ suy giảm thêm 1% thì được hưởng thêm 0,5 lần mức lương cơ sở.

...Suy giảm 31% khả năng lao động thì được hưởng bằng 30% mức lương cơ sở, sau đó cứ suy giảm thêm 1% thì được hưởng thêm 2% mức lương cơ sở..”

Ủy ban nhân dân tỉnh đề xuất mức hỗ trợ trên phù hợp với quy định của Luật bảo hiểm xã hội.

3.7. Giải quyết chính sách đối với Công an xã bán chuyên trách; Bảo vệ dân phố; Đội trưởng, Đội phó đội dân phòng không đủ tiêu chuẩn để kiện toàn, chuyển tiếp hoặc không tiếp tục tham gia lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở

Công an xã bán chuyên trách; Bảo vệ dân phố không đủ tiêu chuẩn để kiện toàn, chuyển tiếp hoặc không tiếp tục tham gia lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở thì được trợ cấp thôi việc, trợ cấp mất việc làm quy định tại Điều 47 Bộ luật Lao động; khoản 2, Điều 8, Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động, cụ thể:

- Mỗi năm làm việc hỗ trợ 01 tháng tiền lương.
- Trường hợp người lao động có tổng thời gian làm việc ít hơn 24 tháng thì chi trả ít nhất 2 tháng tiền lương.
- Tiền lương để tính trợ cấp mất việc làm là tiền lương bình quân của 06 tháng liền kề theo hợp đồng lao động trước khi người lao động mất việc làm.

4. Mức chi trang bị trang phục, huy hiệu, phù hiệu, biển hiệu, giấy chứng nhận; chi hỗ trợ công tác tập huấn, diễn tập, hội thi do địa phương tổ chức, mức chi sơ kết, tổng kết, tổ chức các phong trào thi đua, khen thưởng và bảo đảm điều kiện hoạt động đối với lực lượng tham gia bảo vệ an ninh trật tự

4.1. Mức chi trang bị trang phục, huy hiệu, phù hiệu, biển hiệu, giấy chứng nhận cho lực lượng tham gia bảo vệ an ninh trật tự.

Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh trật tự ở cơ sở được hỗ trợ trang phục cá nhân, huy hiệu, phù hiệu, biển hiệu, giấy chứng nhận theo quy định của Chính phủ. Mức chi hỗ trợ (*Áp dụng định mức do Chính phủ và Bộ Công an quy định*).

4.2. Chi công tác tập huấn, diễn tập, hội thi; bảo đảm điều kiện hoạt động cho lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở.

Căn cứ Kế hoạch của Bộ Công an về tổ chức diễn tập, hội thi và kế hoạch tập huấn hàng năm, Công an tỉnh dự trù kinh phí, trình UBND tỉnh duyệt, cấp để triển khai thực hiện.

4.3. Địa điểm, nơi làm việc đối với lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở.

Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở được bố trí nơi làm việc tại nhà văn hóa các thôn, bản, tổ dân phố.

Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, ban hành./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch; Các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh;
- VP UBND tỉnh;
- Các sở: Tài chính, Tư pháp;
- Công an tỉnh;
- Lưu: VT, NC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Trần Thắng